

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỆ THUY  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HS-ST  
Ngày 30 - 9 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thuận Sơn và bà Trương Thị Xê.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2020/HSST ngày 24 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn S**, sinh ngày 05 tháng 3 năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn L, xã Ng, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân Tr và bà Nguyễn Thị H; có vợ Trần Thị Th, sinh năm 1993 và 01 con, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 08/5/2020, đến ngày 15/7/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; hiện tại đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

**2. Trần Văn S**, tên gọi khác Trần Xuân Ng; sinh ngày 17 tháng 5 năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn Liêm T, xã Ngư Th, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân Tr và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 08/5/2020, đến ngày 15/7/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; hiện tại đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

**3. Nguyễn Văn H**, sinh ngày: 20 tháng 6 năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn Liêm T, xã Ngư Th, huyện Lệ Th, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ Trần Thị H, và có 04 con, đang là học sinh; tiền án, tiền sự: không; bị

tạm giam từ ngày 08/5/2020, đến ngày 15/7/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; hiện tại đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

*\* Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn L, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. Anh Trần Đình N, sinh năm 1993, địa chỉ: Tiểu khu 2, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Nh; đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Phước Nh; sinh năm 1963, Chủ tịch hội đồng quản trị; địa chỉ: Số 33 B, Lê Quý Đ, khu phố 1, phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, anh Nhất vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. Chị Trần Thị H; sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn L, xã Ng, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

3. Chị Nguyễn Thị Th; sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn L, xã Ng, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

*\* Người làm chứng:*

1. Anh Trần Trung Th; sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn L, xã Ng, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

2. Anh Hoàng Văn Ch; sinh năm 1977; địa chỉ: X, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

3. Anh Nguyễn Xuân M; sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố 7, phường 3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt;

4. Anh Hoàng Văn Ch, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn S, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ ngày 11/4/2020, anh Trần Đình N là lái xe Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Nh ở Đ, Quảng Trị, điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát (viết tắt là BKS) 74C-041.74, chở anh Nguyễn Thanh L là nhân viên thị trường của công ty, đến giao hàng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khoáng sản H đóng tại X, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Trên đường trở về, đến đoạn đường liên xã Ng - S thuộc thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình thì bị Trần Văn S điều khiển xe mô tô BKS 73H1-144.81 từ phía sau vượt lên chặn lại. S cầm ống tuýp sắt mang sẵn theo đe dọa, yêu cầu anh N, anh L xuống xe và đưa cho S 500.000 đồng để đi nhậu. Lúc này, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô BKS 73H1-304.76 chở Trần Văn S đi tới, cả 3 dùng lời lẽ đe dọa anh N anh L nhằm buộc anh N, anh L phải đưa tiền. Do không có tiền và sợ bị các đối tượng đánh và đập vỡ kính xe nên anh L đã nhờ S chở đi mượn tiền nhưng không có.

Anh L gọi điện cho anh Nguyễn Xuân M, Giám đốc công ty Nh để mượn tiền. Anh M gọi điện thoại cho anh Hoàng Văn Ch ở xã S, huyện L mượn tiền, anh Ch nhờ anh Hoàng Văn Ch (là em trai anh Ch) đưa tiền đến cho anh N và anh L. Lúc này, S yêu cầu phải đưa 1.000.000 đồng với lý do phải chờ lâu rồi cùng với S tiếp tục đe dọa anh N anh L. Anh N gọi điện cho anh M nói rõ việc các đối tượng yêu cầu đưa thêm tiền. Sợ ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân viên và tài sản của Công ty nên anh M đã nhờ anh Ch đưa cho S, S, H số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền trên, S, S, H tiêu xài hết. Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 ống tuýp bằng kim loại, 01 tuốc nơ vít, 02 xe mô tô (Tất cả có đặc điểm như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu). Hiện, Cơ quan điều tra đã giao cho chị Trần Thị H, Trần Thị Th (vợ H và S) quản lý 2 xe mô tô trên chờ xử lý. Về dân sự: Các bị cáo đã bồi thường số tiền 1.000.000 cho Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Nh.

Bản Cáo trạng số 46/CT-VKSLT ngày 24/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy truy tố các bị cáo Trần Văn S, Trần Văn S và Nguyễn Văn H về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo S, S, H và đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng đến 36 tháng; Trần Văn S và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng đến 30 tháng. Trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường xong. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 ống tuýp bằng kim loại, 01 tuốc nơ vít; trả lại cho bà Nguyễn Thị Th 01 xe mô tô BKS 73H1-304.76, xe hiện nay chị Trần Thị Th (con bà Nguyễn Thị Th) đang quản lý; trả lại cho chị Trần Thị H 01 xe mô tô BKS 73H1-144.81 (xe hiện nay chị H đang quản lý).

Tại phiên tòa: Các bị cáo Trần Văn S, Trần Văn S và Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát; đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất, được cải tạo tại địa phương.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì

vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 11 giờ ngày 11/4/2020, tại đoạn đường liên xã Ng - S thuộc thôn N, S, L, Quảng Bình, các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Văn H, Trần Văn S có hành vi dùng lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần anh N, anh L, sau đó chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng. Với hành vi nêu trên, các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Văn H, Trần Văn S đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện trong vụ án đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định tình hình an ninh, trật tự tại đại phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án đủ nghiêm theo đúng quy định tại khoản 1 điều 170 của Bộ luật hình sự, nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung. Trong vụ án này, Trần Văn S là người là người có vai trò chính, là người đầu tiên trực tiếp cầm ống tuýt sắt chặn xe ô tô, dùng hung khí, lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần anh N, anh L để chiếm đoạt tài sản; Nguyễn Văn H, Trần Văn S có vai trò và mức độ phạm tội tương đương nhau, tham gia sau nhưng cũng hết sức tích cực, có hành động, lời nói hỗ trợ cùng với Trần Văn S trong việc đe dọa, uy hiếp tinh thần anh N, anh L để cùng nhau chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng của bị hại. Số tiền chiếm đoạt được các bị cáo cùng nhau tiêu xài cá nhân, nên mức án áp dụng đối với Trần Văn S cao hơn Nguyễn Văn H, Trần Văn S là phù hợp với vai trò và mức độ phạm tội của các bị cáo trong vụ án.

[4] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản gửi cho Tòa án đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo Trần Văn S, Trần Văn S là hai anh em ruột, có bố, mẹ đều tham gia dân công hỏa tuyến; bị cáo Nguyễn Văn H có mẹ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, nên chưa cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ một số vật chứng của vụ án, số vật chứng này được xử lý như sau: 01 ống tuýt bằng kim loại, 01 tuốc nơ vít xét đây là công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy; 02 xe mô tô Cơ quan điều tra đã giao cho chị Trần Thị H, Trần Thị Th quản lý chờ xử lý. Xét xe mô tô BKS BKS 73H1-304.76 là tài sản của bà Nguyễn Thị Th (mẹ vợ của bị cáo S) và xe mô tô BKS 73H1-144.81 là tài sản

chung của vợ chồng bị cáo H và chị Trần Thị H. Khi hai bị cáo H, S dùng xe đi cưỡng đoạt tài sản bà Nguyễn Thị Th và chị Trần Thị H không biết, nên cần trả lại tài sản cho các chủ sở hữu.

[6] Về dân sự: Quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền chiếm đoạt 1.000.000 đồng cho Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Nh, các bên cam kết chấm dứt phân dân sự và không có yêu cầu gì bổ sung về phần bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo Trần Văn S, Trần Văn S và Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn S, Trần Văn S và Nguyễn Văn H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt: Trần Văn S 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/9/2020.

- Xử phạt: Trần Văn S 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/9/2020.

- Xử phạt: Nguyễn Văn H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/9/2020.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao Trần Văn S, Trần Văn S và Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt, thay đổi nơi cư trú, làm việc thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

3. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 ống tuýp bằng kim loại; 01 tuốc nơ vít;

- Trả lại: 01 xe mô tô BKS 73H1-144.81 cho bà Nguyễn Thị Th (xe hiện nay đang được giao cho chị Trần Thị Th là con bà Nguyễn Thị Th quản lý);

- Trả lại 01 xe mô tô BKS 73H1-304.76 cho chị Trần Thị H (xe hiện nay đang được giao cho chị H quản lý).

Các vật chứng gồm 01 ống tuýp bằng kim loại và 01 tuốc nơ vít hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (có số lượng, đặc điểm, chủng loại được mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 31/8/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình); 01 xe mô tô BKS 73H1-144.81 hiện nay đang được giao cho chị Trần Thị Th quản lý tài sản bị tạm giữ, 01 xe mô tô BKS 73H1-304.76 hiện nay đang được giao cho chị Trần Thị H quản lý tài sản bị tạm giữ (có đặc điểm, số lượng theo nội dung 02 Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 09/5/2020 giữa Điều tra viên thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình và chị Trần Thị H, Trần Thị Th để quản lý tài sản bị tạm giữ).

4. Án phí: Buộc các bị cáo Trần Văn S, Trần Văn S và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/9/2020); bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Q. Bình;
- VKSND tỉnh Q. Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Q. Bình;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- Công an h. Lệ Thủy (02 bản);
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Bị cáo; bị hại;
- người có QLNVLQ;
- Lưu VP; HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã ký)

**Nguyễn Thanh Hải**